

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HS-ST
Ngày: 18-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ngoãn
Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng,
tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2022/HSST
ngày 12 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
249/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Điều B, sinh năm 1975 tại Bình Phước

Nơi cư trú: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Giáo
viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin
lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều T (đã chết) và bà Thị B (đã chết); có vợ
là Thị D, sinh năm 1984; có 03 người con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh
năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị dụng biện pháp cấm đi khỏi
nơi cư trú từ ngày 25/3/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1983 (Vắng mặt, có đơn xin giải
quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khu C, thị trấn D, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Minh Th, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu C, thị trấn D, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

- Anh Lê Đức N, sinh ngày 12/5/2004 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu C, thị trấn D, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 13/02/2022, anh Lê Minh Th điều khiển xe ô tô tải biển số: 93C-056.54 đi vào xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước để giao hàng hoá, khi đến ngã ba thuộc thôn 5, xã A thì bị Điều B điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chặn xe lại (do B nghĩ trước đó bị xe ô tô anh Th ép làm B bị ngã xe) và yêu cầu anh Th xuống xe nói chuyện nhưng anh Th vẫn ngồi trên cabin xe. B lấy 01 con dao (loại dao côi của người dân tộc có lưỡi bằng kim loại cứng dài 28cm) từ trong người ra đâm nhiều nhát vào kính chắn gió bên trái xe ô tô biển số 93C-056.54 làm vỡ (bể) kính. Sau đó, B điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường còn anh Th đã đến công an xã A để trình báo sự việc.

Tại kết luận định giá tài sản số: 13/KL-ĐG ngày 04/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng, xác định tại thời điểm xảy ra tội phạm: 01 tấm kính chắn gió cánh cửa xe ô tô tải hiệu HINO trị giá: 5.975.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe ô tô tải biển số: 93C-056.54 là tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh N, tuy nhiên sau khi ghi nhận thiệt hại từ sự việc Cơ quan CSĐT-Công an huyện Bù Đăng không tiến hành tạm giữ mà bàn giao cho bà N quản lý, sử dụng.

+ 01 con dao côi dài 28cm, lưỡi bằng kim loại dài 12cm, cán bằng cây tầm vông dài 16cm đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ công tác truy tố, xét xử.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại 01 tấm kính chắn gió cánh cửa xe ô tô tải với số tiền 5.975.000 đồng; tiền công tài xế, phụ xe và những ngày xe không hoạt động là 3.900.000 đồng; tổng số tiền bị hại yêu cầu là 9.874.000 đồng. Bị cáo Điều B đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền 9.875.000 đồng để bồi thường cho người bị hại.

Tại Bản cáo trạng số: 84/CT –VKS ngày 12/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Điều B về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh đề nghị tuyên bị cáo Điều B phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Về hình phạt đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều B từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã giao nộp toàn bộ số tiền bồi thường thiệt hại là 9.874.000 đồng theo yêu cầu của bị hại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng; bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy vật chứng là 01 con dao côi dài 28cm, lưỡi bằng kim loại dài 12cm, cán bằng cây tầm vông dài 16cm.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị hại bà Nguyễn Thị Thanh N mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn xin giải quyết vắng mặt có ý kiến như sau: Về phần dân sự, bị cáo đã giao nộp số tiền theo yêu cầu của bị hại nên bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về hình phạt đề nghị Tòa án xét xử bị cáo mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, phòng ngừa.

Bị cáo Điều B thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa: Bị hại bà Nguyễn Thị Thanh N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh Th và những người làm chứng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy những người này đều đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, bị hại bà N đã có ý kiến về phần dân sự và hình phạt đối với bị cáo, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt. Việc vắng mặt của bà N, anh Th và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 xử vắng mặt những người này.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng trong quá trình điều tra, truy tố. Đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 13/02/2022, Điều B sử dụng 01 con dao

(loại dao côi của người dân tộc có lưỡi bằng kim loại cứng dài 28cm) đâm nhiều nhát vào kính chắn gió bên trái xe ô tô tải hiệu HINO có biển số 93C-056.54 của bà Nguyễn Thị Thanh N (do anh Lê Minh Th điều khiển) làm vỡ (bể) kính chắn gió của xe. Tổng giá trị tài sản bị cáo gây thiệt hại là 5.975.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an địa phương. Do đó, cần xử bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình công tác bị cáo đã được tặng thưởng nhiều giấy khen. Đây là các là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 mà bị cáo được hưởng.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và căn cứ vào tính chất mức độ hành vi, nhân thân bị cáo không cần thiết phải bắt bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương có sự giám sát của chính quyền và gia đình cũng đủ cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án:

- 01 xe ô tô tải biển số: 93C-056.54 là tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh N, Cơ quan CSĐT-Công an huyện Bù Đăng đã bàn giao cho bà N quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 con dao côi dài 28cm, lưỡi bằng kim loại dài 12cm, cán bằng cây tầm vông dài 16cm là công cụ bị cáo sử dụng phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại 01 tấm kính chắn gió cánh cửa xe ô tô tải với số tiền 5.975.000 đồng; tiền công tài xế, phụ xe và những ngày xe không hoạt động là 3.900.000 đồng; tổng số tiền bị hại yêu cầu là 9.874.000 đồng. Bị cáo Điều B đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số

tiền 9.875.000 đồng để bồi thường cho người bị hại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đông con và con còn nhỏ đang ở tuổi ăn học nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Điều B phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”,

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Điều B 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trường hợp bị cáo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 586; 590 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường số tiền 9.875.000 đồng (Chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho bị hại bà Nguyễn Thị Thanh N. Bị cáo đã nộp số tiền này tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0009966 ngày 12/10/2022 và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0009977 ngày 09/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 28cm, lưỡi bằng kim loại dài 12cm, cán bằng cây tầm vông dài 16cm.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0009964 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Điều B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Công an huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào